THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 371/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 6 về chủ trương đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể đường Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm, mục tiêu

- Hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh bao gồm các tuyến đường bộ để kết nối giữa đường Hồ Chí Minh với các tuyến đường bộ quốc gia theo trục dọc Bắc - Nam (quốc lộ 1, đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường bộ ven biển), các cửa khẩu quốc tế, cảng biển, cảng hàng không, các quốc lộ quan trọng và các trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tạo nên mạng lưới giao thông đường bộ hoàn chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư của đường Hồ Chí Minh đồng thời tạo thuận lợi trong việc ứng phó với thiên tai và tăng cường củng cố quốc phòng an ninh của quốc gia;

- Hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh được hình thành trên cơ sở các tuyến đường hiện có kết hợp với việc nâng cấp, cải tạo hoặc xây dựng mới một số đoạn phù hợp với chiến lược phát triển giao thông vận tải, các quy hoạch đã được phê duyệt và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh có tuyến đường đi qua; đảm bảo đáp ứng được nhu cầu vận tải trước mắt cũng như lâu dài và yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Quy hoạch chi tiết hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh nhằm đưa ra phương án phân kỳ đầu tư các tuyến đường ngang phù hợp với các giai đoạn của đường Hồ Chí Minh theo quy hoạch được duyệt. Trước mắt tập trung xây dựng các đường ngang có nhu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu quả đầu tư, tiếp theo sẽ đầu tư các tuyến còn lại.

2. Nội dung quy hoạch

a) Phạm vi quy hoạch:

Hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh đi qua địa phận 28 tỉnh, thành phố có tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua, từ Pác Bó (Cao Bằng) đến Đất Mũi (Cà Mau): Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Hà Nội, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và các tỉnh khác có tuyến quốc lộ đi qua nối với đường Hồ Chí Minh.

b) Danh mục và quy mô quy hoạch của các tuyến đường ngang:

Hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh bao gồm 108 tuyến đường bộ với tổng chiều dài khoảng 10.466 km và quy mô quy hoạch được nêu tại Phụ lục I kèm theo quyết định này, trong đó:

- Đường cao tốc (có kết hợp một số đoạn quốc lộ) gồm 8 tuyến với tổng chiều dài khoảng 1.313 km; quy mô 4 - 8 làn xe. Các tuyến đường này phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020;

- Quốc lộ gồm 37 tuyến với tổng chiều dài khoảng 5.867 km; các quốc lộ có quy mô quy hoạch tối thiểu đường cấp III. Riêng các quốc lộ đi qua khu vực địa hình khó khăn, quy mô tối thiểu đường cấp IV miền núi phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Đường tỉnh và đường huyện gồm 63 tuyến với tổng chiều dài khoảng 3.286 km; quy mô tối thiểu cấp IV 2 làn xe.

Quy mô chi tiết tại Phụ lục I là quy mô chung toàn tuyến. Một số đoạn cục bộ qua đô thị được mở rộng phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn từ nay đến năm 2015: Tập trung đầu tư các đường ngang cấp thiết nối đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 với quốc lộ 1, các khu kinh tế, cửa khẩu quốc tế để phát huy hiệu quả đường Hồ Chí Minh;

- Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020: Đầu tư nâng cấp, cải tạo các quốc lộ quan trọng và các tuyến đường tỉnh theo quy mô của quy hoạch để tăng hiệu quả đường Hồ Chí Minh;

- Giai đoạn sau 2020: Tùy vào nguồn lực và nhu cầu vận tải để đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường còn lại theo quy mô của quy hoạch.

d) Nguồn vốn và nhu cầu vốn đầu tư:

Nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh (bao gồm kinh phí xây dựng các tuyến đường thuộc các quy hoạch khác đã được phê duyệt) được huy động từ nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương, vốn trái phiếu Chính phủ và vốn huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

Nhu cầu vốn và phân kỳ đầu tư thực hiện quy hoạch tại Phụ lục II kèm theo quyết định này.

đ) Dự kiến quỹ đất:

Tổng quỹ đất cần thiết để thực hiện quy hoạch hệ thống đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh khoảng 35.086 ha (bao gồm các tuyến đường thuộc các quy hoạch khác đã được phê duyệt).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải

- Công bố quy hoạch phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức quản lý quy hoạch;

- Chủ trì đầu tư xây dựng các tuyến đường cao tốc, các quốc lộ là đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh;

- Phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan liên quan trong việc xác định nguồn vốn đầu tư thực hiện quy hoạch;

- Kiểm tra việc thực hiện quy hoạch và đề xuất những giải pháp quản lý thực hiện, điều chỉnh quy hoạch khi cần thiết.

2. Các Bộ, ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố đề xuất nguồn vốn, cơ chế chính sách để triển khai quy hoạch.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tiến hành rà soát, điều chỉnh các quy hoạch trên địa bàn phù hợp với quy hoạch này;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, các Bộ, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện đầu tư các tuyến đường do địa phương quản lý là đường ngang nối đường Hồ Chí Minh theo quy hoạch, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Quy hoạch sử dụng quỹ đất, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu tiến độ triển khai đầu tư xây dựng các tuyến đường ngang theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các tuyến đường ngang nối với đường Hồ Chí Minh đi qua chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục I

DANH MỤC, QUY MÔ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC HỆ THỐNG ĐƯỜNG NGANG NỐI VỚI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên tuyến đường	Phạm vi tuyến đường				Quy mô quy hoạch	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Tỉnh, thành phố	Chiều dài (km)		
I. Đoạn Pác Bó (Cao Bằng) - Bình Ca (Tuyên Quang)							
1	ĐT.210	Cửa khẩu Sóc Giang	Cửa khẩu Trà Lĩnh	Cao Bằng	56	Cấp III, IV	
2	ĐT.204	Cần Yên	Khâu Lý	Huyện Thông Nông - Cao Bằng	52	Cấp IV	
3	QL.3 + QL.34	Cửa khẩu Tả Lùng	Hà Giang	Cao Bằng - Hà Giang	319	Cấp III, IV	
4	ĐT.209	Thạch An	Ngân Sơn	Cao Bằng - Bắc Kạn	58	Cấp IV	
5	QL.279	Bãi Cháy	Cửa khẩu Tây Trang	Quảng Ninh - Bắc Kạn - Điện Biên	744	Cấp IV	
6	ĐT.258	Phù Thông	Chợ Rã (Ba Bể)	Bắc Kạn	42	Cấp IV	
7	QL.3B	Ngã ba Xuất Hóa - Thị xã Bắc Kạn	Tràng Định	Bắc Kạn - Lạng Sơn	128	Cấp IV, III	
8	ĐT.256	Chợ Mới	Thị trấn Yên Lạc - Na Rì	Thái Nguyên - Bắc Kạn	54	Cấp III	
9	QL.3	Cầu Đuống	Chợ Chu - Định Hóa	Hà Nội - Thái Nguyên	113	Cấp III	
10	ĐT.254	Chợ Chu - Định Hóa	Hồ Ba Bể - Bắc Kạn	Thái Nguyên - Bắc Kạn	64	Cấp III	

STT	Tên tuyến đường	Phạm vi tuyến đường				Quy mô quy hoạch	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Tỉnh, thành phố	Chiều dài (km)		
11	ĐT.264	Chợ Chu - Định Hóa	Đại Từ	Thái Nguyên	39	Cấp IV	
12	QL.2C	Sơn Tây	Sơn Dương	Hà Nội - Vĩnh Phúc - Tuyên Quang	141	Cấp III	
13	QL.37 + ĐT.185 + ĐT.188	Việt Yên	Nà Con	Tuyên Quang	107	Cấp IV	
II. Đoạn Bình Ca (Tuyên Quang) - Thạnh Mỹ (Quảng Nam)							
14	QL.2	Phù Lỗ	Thanh Thủy	Hà Nội - Vĩnh Phúc - Phú Thọ - Tuyên Quang	310	Cấp I, II, III	
15	QL.70	Đầu Lô	Bản Phiệt	Phú Thọ - Yên Bái - Lào Cai	200	Cấp III, IV	
16	ĐT.312	Chân Mộng	Vũ Yển	Phú Thọ	15	Cấp III	
17	Cao tốc Hà Nội - Lào Cai	Sóc Sơn	Lào Cai	Hà Nội - Vĩnh Phúc - Phú Thọ - Lào Cai	264	Quy mô 4 - 6 làn xe	
18	QL.32	Hà Nội	Bình Lư	Hà Nội - Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu	393	Cấp I, II, III	
19	ĐT.316	Cầu Trung Hà	Thanh Sơn	Phú Thọ	13	Cấp III	
20	ĐT.87A	Ba Vì	Sơn Tây	Hà Nội	16	Cấp III	
21	Cao tốc Láng - Hòa Lạc - Hòa Bình	Hà Nội	Hòa Bình	Hà Nội - Hòa Bình	56	Quy mô 4 - 6 làn xe	
22	QL.6	Hà Đông	Mường Lay	Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên	512	Cấp I, II, III	

STT	Tên tuyến đường	Phạm vi tuyến đường				Quy mô quy hoạch	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Tỉnh, thành phố	Chiều dài (km)		
23	ĐT.429 (ĐT.73 cũ)	Chợ Tía - Phú Xuyên	Miếu Môn	Hà Nội	29	Cấp III đồng bằng	
24	ĐT.76	Đại Nghĩa	Ngã ba Chợ Bến	Hòa Bình	8	Cấp III	
25	QL.21 + QL.12B - ATK	Dốc Kun	Làng Sỏi	Hòa Bình	47	Cấp III	
26	ĐT.443	Lạc Thủy	Lạc Sơn	Hòa Bình	46	Cấp V	
27	QL.12B	Gềnh	Mãn Đức	Ninh Bình - Hòa Bình	95	Cấp IV	
28	Bỉm Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng	Bỉm Sơn	Thạch Thành	Thanh Hóa	49	Cấp III, IV	
29	QL.217	Đò Lèn - Hà Trung	Cửa khẩu Na Mèo	Thanh Hóa	191	Cấp III, IV	
30	QL.15 (Tòng Đậu - Ngọc Lặc)	Tòng Đậu	Ngọc Lặc	Hòa Bình - Thanh Hóa	109	Cấp III	
31	QL.47	Lam Sơn	Mục Sơn	Thanh Hóa	70	Cấp IV	
32	QL.45 + Nông Cống - Hồng Phong	Tân Dân - Tĩnh Gia	Yên Cát	Thanh Hóa	54	Cấp III, IV	
33	Nghi Sơn - Bãi Trành	Cảng Nghi Sơn	Bãi Trành	Thanh Hóa	50	Cấp III	
34	Đông Hồi - Hoàng Mai - Thái Hòa	Quỳnh Lộc - Quỳnh Lưu	Thị xã Thái Hòa	Nghệ An	60	Cấp III	
35	QL.48	Yên Lý	Quế Phong	Nghệ An	122	Cấp IV	
36	QL.15 (Tân Kỳ - Đô Lương)	Tân Kỳ	Đô Lương	Nghệ An	18	Cấp III	

STT	Tên tuyến đường	Phạm vi tuyến đường				Quy mô quy hoạch	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Tỉnh, thành phố	Chiều dài (km)		
37	QL.7	Diễn Châu	Nậm Cắn	Nghệ An	227	Cấp IV	
38	QL.46	Thanh Thủy	Cửa Lò	Nghệ An	75	Cấp III	
39	QL.8	Hồng Lĩnh	Cầu Treo	Hà Tĩnh	85	Cấp III	
40	QL.15 + ĐT.6	Phúc Đồng - Hương Khê	Thị trấn Nghèn	Hà Tĩnh	38	Cấp III	
41	ĐT.17	Hương Trà - Hương Khê	Thành phố Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	38	Cấp III	
42	QL.12A	Ba Đồn	Cha Lo	Quảng Bình	142	Cấp III	
43	ĐT.2	Hoàn Lão - Bố Trạch	Xuân Sơn	Quảng Bình	18	Cấp III	
44	ĐT.3	Chánh Hòa	Ngã ba Đá Mài - Bố Trạch	Quảng Bình	7	Cấp III	
45	ĐT.11	Thắng Lợi	Ngã ba Zìn Zìn - Phước Mỹ	Quảng Bình	27	Cấp III	
46	ĐT.3B (ĐT.570)	Hoàng Diệu - Đồng Hới	Ngã ba Trại Gà - Nòi Đồng	Quảng Bình	7	Cấp III; đường phố khu vực	
47	ĐT.4B (ĐT.569B)	Quán Hàu - Quảng Ninh	Vĩnh Tuy - Quảng Ninh	Quảng Bình	5	Cấp IV	
48	ĐT.10	Vạn Ninh - Quảng Ninh	Tăng Ký	Quảng Bình	36	Cấp IV	
49	ĐT.16 (ĐT.565)	Liên Thủy - Lệ Thủy	Cầu Khỉ - Tăng Ký	Quảng Bình	39	Cấp III, IV; đường đô thị	

STT	Tên tuyến đường	Phạm vi tuyến đường				Quy mô quy hoạch	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Tỉnh, thành phố	Chiều dài (km)		
50	ĐT.13 (ĐT.7 cũ)	Hồ Xá - Vĩnh Linh	Cù Bai - Hướng Hóa	Quảng Trị	70	Cấp III, IV	
51	ĐT.75	Gio Linh	Xuân Hòa	Quảng Trị	12	Cấp IV	
52	QL.9 + Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo	Cửa Việt - Gio Linh	Lao Bảo - Hướng Hóa	Quảng Trị	118	Quy mô 4 làn xe	
53	Ái Tử - Nhánh Đông đường HCM	Triệu Ái - Triệu Phong	Thị trấn Ái Tử	Quảng Trị	14	Cấp IV	
54	Mỹ Thủy - Nhánh Đông đường HCM	Km32 đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan, Đăkrông	Mỹ Thủy	Quảng Trị	12	Cấp III	
55	Đường La Lay - A Đeng	A Ngo - Đăkrông	Cửa khẩu La Lay	Quảng Trị	12	Cấp IV	
56	ĐT.71 cũ	A Lưới	Ngã ba Hòa Mỹ - Phong Điền	Thừa Thiên Huế	51	Cấp III	
57	Bình Lợi - Tứ Hạ	Thị trấn Bình Điền	Thị trấn Tứ Hạ	Thừa Thiên Huế	24	Cấp IV	
58	QL.49	Thuận An	Biên giới Việt Nam - Lào	Thừa Thiên Huế	91	Cấp III, IV	
59	ĐT.15	Tả Trạch	Thị trấn Phú Bài	Thừa Thiên Huế	22	Cấp IV	
60	ĐT.74	Nam Đông	A Lưới	Thừa Thiên Huế	53	Cấp III	
61	ĐT.602	Hòa Khánh - Liên Chiểu	Bà Nà - Hòa Vang	Đà Nẵng	25	Đường phố chính	
62	QL.14B + ĐT.604	Hòa Nhơn - Hòa Vang	Thị trấn Prao	Đà Nẵng	66	Cấp IV	
63	ĐT.608 + ĐT.609	Hội An	Ái Nghĩa	Quảng Nam	45	Cấp III, IV	

STT	Tên tuyến đường	Phạm vi tuyến đường				Quy mô quy hoạch	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Tỉnh, thành phố	Chiều dài (km)		
III. Đoạn Thạnh Mỹ (Quảng Nam) - Ngọc Hồi (Kon Tum)							
64	QL.14D	Thị trấn Giằng	Tà Óc	Quảng Nam	74	Cấp III, IV	
65	QL.14E	Hà Lam	Khâm Đức	Quảng Nam	78	Cấp IV	
66	Tuyến Chu Lai - Trà My - Phước Thành - Khâm Đức	Núi Thành	Khâm Đức	Quảng Nam	155	Cấp IV	
67	QL.40	Ngọc Hồi	Cửa khẩu Bờ Y	Kon Tum	21	Cấp III	
IV. Đoạn Ngọc Hồi (Kon Tum) - Rạch Sỏi (Kiên Giang)							
68	ĐT.672 + ĐT.616 + ĐT.622	Cảng Dung Quất	Đắk Tô	Kon Tum - Quảng Nam - Quảng Ngãi	214	Cấp IV	
69	ĐT.623	Thị trấn Sơn Tịnh	Đắc Hà	Quảng Ngãi - Kon Tum	170	Cấp III, IV	
70	ĐT.675 + ĐT.674	Kon Tum	Chư Mon Ray	Kon Tum	58	Cấp IV	
71	QL.24	Thạnh Trụ	Kon Tum	Quảng Ngãi - Kon Tum	168	Cấp III	
72	ĐT.670	Thị trấn Kon Dơng	Phú Hòa	Gia Lai	46	Cấp IV	
73	ĐT.664	Thành phố PleiKu	Ia Grai	Gia Lai	58	Cấp III	
74	QL.19 + Cao tốc Quy Nhơn - Plei Ku	Quy Nhơn	Cửa khẩu Lệ Thanh	Bình Định - Gia Lai	253	Quy mô 4 làn xe	
75	QL.25	Tuy Hòa	Chư Sê	Phú Yên - Gia Lai	192	Cấp III	
76	ĐT.668 + ĐT.687	Thị xã Ayun Pa	Thị trấn Ea Đrăng	Gia Lai - Đắk Lắk	45	Cấp III, IV	

STT	Tên tuyến đường	Phạm vi tuyến đường				Quy mô quy hoạch	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Tỉnh, thành phố	Chiều dài (km)		
77	ĐT.683 + ĐT.694 Buôn Hồ đi Ea Kar	Thị trấn Buôn Hồ	Thi trấn Ea Kar	Đắk Lắk	36	Cấp III	
78	QL.26	Ninh Hòa	Buôn Ma Thuật	Ninh Thuận - Đắk Lắk	165	Cấp III	
79	ĐT.684 Ea Tlưng đi A Yang	Thị trấn EA Tlưng	Nam Ka	Đắk Nông - Đắk Lắk	64	Cấp III	
80	QL.28	Phan Thiết	Gia Nghĩa	Bình Thuận - Lâm Đồng - Đắk Nông	194	Cấp IV	
81	ĐT.681 (ĐT.686) + QL.14C	Thị trấn Kiến Đức	Cửa khẩu Bù Drang	Đắk Nông	63	Cấp IV	
82	QL.55 + QL.20 + ĐT.710 + ĐT.713 + ĐT.721	Thị trấn Tân Nghĩa	Minh Hưng	Bình Phước - Lâm Đồng - Bình Thuận	140	Cấp II, III	
83	ĐT.749 + ĐT.748	Phước Bình	Cửa khẩu Hoa Lư	Bình Phước	74	Cấp III	
84	ĐT.741 + ĐT.747	Thác Mơ	Cảng Đồng Nai	Bình Phước - Đồng Nai	130	Cấp II	
85	QL.13 + Cao tốc HCM - Chơn Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Cửa khẩu Hoa Lư	Bình Phước - Bình Dương - Thành phố Hồ Chí Minh	142	Quy mô 6 - 8 làn xe	
86	ĐT.744	Thị xã Thủ Dầu Một	Thị trấn Dầu Tiếng	Bình Dương	20	Cấp II	
87	Cao tốc Hồ Chí Minh - Mộc Bài	Thành phố Hồ Chí Minh	Cửa khẩu Mộc Bài	Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh	55	Quy mô 4 - 6 làn xe	

STT	Tên tuyến đường	Phạm vi tuyến đường				Quy mô quy hoạch	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Tỉnh, thành phố	Chiều dài (km)		
88	QL.22	Thành phố Hồ Chí Minh	Mộc Bài	Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh	58	Cấp I	
89	Tuyến N1	Đức Huệ	Hà Tiên	Long An - Đồng Tháp - An Giang - Kiên Giang	235	Cấp IV	
90	ĐT.824	Hóc Môn	Bến Lức	Thành phố Hồ Chí Minh - Long An	42	Cấp II, III	
91	QL.62	Tân An	Mộc Hóa	Long An	33	Cấp III	
92	QL.62 + ĐT.829 + ĐT.868	Cai Lậy	Cửa khẩu Bình Hiệp	Đồng Tháp - Long An	58	Cấp III	
93	ĐT.863 + ĐT.845	Tân Phước	Thị trấn Cái Bè	Đồng Tháp	49	Cấp III	
94	QL.30	An Hữu	Cửa khẩu Dinh Bà	Tiền Giang - Đồng Tháp	120	Cấp III	
95	ĐT.848 + ĐT.942 + ĐT.954	Thị xã Sa Đéc	Cửa khẩu Vĩnh Xương	An Giang	116	Cấp III	
96	QL.80 (Mỹ Thuật - Vàm Cống)	Mỹ Thuận	Lấp Vò	Vĩnh Long - An Giang	46	Cấp III	
97	QL.91	Cần Thơ	Tịnh Biên	Cần Thơ - An Giang	142	Cấp III	
98	Cao tốc Châu Đốc - Sóc Trăng	Sóc Trăng	Châu Đốc	Sóc Trăng - Cần Thơ - An Giang	200	Quy mô 4 làn xe	
99	ĐT.943 + Kênh E núi Sập đi cửa khẩu Tịnh Biên	Thạnh An	Cửa khẩu Tịnh Biên	Cần Thơ - An Giang	76	Cấp III	

STT	Tên tuyến đường	Phạm vi tuyến đường				Quy mô quy hoạch	Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Tỉnh, thành phố	Chiều dài (km)		
100	Cao tốc Hà Tiên - Bạc Liêu	Hà Tiên	Bạc Liêu	Kiên Giang - Hậu Giang, Sóc Trăng - Bạc Liêu	225	Quy mô 4 làn xe	
V. Đoạn Rạch Sỏi (Kiên Giang) - Đất Mũi (Cà Mau)							
101	QL.80 (Rạch Giá - Xà Xía)	Rạch Giá	Cửa khẩu Xà Xía	Kiên Giang	110	Cấp III	
102	QL.63 (Châu Thành - Bảy Sáng)	Châu Thành	Bảy Sáng	Kiên Giang	26	Cấp III	
103	Long Thạnh - Gồng Giềng - Cần Thơ	Long Thạch	Giao với QL.91	Kiên Giang - Cần Thơ	52	Cấp III	
104	QL.61	Cái Tắc	Gò Quao	Hậu Giang - Kiên Giang	66	Cấp III	
105	ĐT.978	Hồng Dân	Hòa Bình	Bạc Liêu	52	Cấp IV	
106	ĐT.980 + QL.63	Thị trấn Vĩnh Thuận	Thị trấn Gành Hào	Bạc Liêu	69	Cấp III	
107	ĐT.981	Thới Bình	Thị trấn Hộ Phòng	Bạc Liêu	26	Cấp IV	
108	Cái Đôi Vàm - Đầm Dơi	Thị trấn Cái Đôi Vàm	Thị trấn Đầm Dơi	Cà Mau	49	Cấp III	

Phụ lục II

NHU CẦU VỐN, PHÂN KỲ VÀ CHIỀU DÀI CÁC ĐOẠN TUYẾN CẦN ĐẦU TƯ THUỘC HỆ THỐNG ĐƯỜNG NGANG NỐI VỚI ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên đường	Số hiệu đường ngang	Chiều dài xây dựng (km)	Giai đoạn 2011 - 2015		Các dự án từ năm 2015 đến năm 2020 (tỷ đồng)	Kế hoạch sau năm 2020 (tỷ đồng)
				Các dự án đang triển khai (tỷ đồng)	Các dự án sẽ triển khai (tỷ đồng)		
I. Đường cao tốc							
1	Cao tốc Hà Nội - Lào Cai	17	264	19874			
2	Cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình	21	26		10149		
3	Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo	52	70				4900
4	Cao tốc Quy Nhơn - Plêi Ku	74	160				12000
5	Cao tốc HCM - Chơn Thành	85	142				20010
6	Cao tốc Hồ Chí Minh - Mộc Bài	87	55				7480
7	Cao tốc Châu Đốc - Sóc Trăng	98	200				24200
8	Cao tốc Hà Tiên - Bạc Liêu	100	225				27230
II. Quốc Lộ							
9	QL.3 (Bờ Đậu - Thủy Khẩu)	3 và 9	257		481		
10	QL.34 (đoạn Km0 - Km36; đoạn Km182 - Km214; đoạn Km247 - Km266)	3	87		1223		
11	QL.279 (đoạn Tuần Giáo - Điện Biên; đoạn qua Tuyên Quang - Bắc Cạn; đoạn Pá Uôn - Tuần Giáo; đoạn Nghĩa Đô - Văn Bàn)	5	240	1304			

STT	Tên đường	Số hiệu đường ngang	Chiều dài xây dựng (km)	Giai đoạn 2011 - 2015		Các dự án từ năm 2015 đến năm 2020 (tỷ đồng)	Kế hoạch sau năm 2020 (tỷ đồng)
				Các dự án đang triển khai (tỷ đồng)	Các dự án sẽ triển khai (tỷ đồng)		
12	QL.3B (đoạn Xuất Hóa - Pò Mã)	7	125	3391			
13	QL.2C (đoạn Km1 - Km147 + 250)	12	146	1549			
14	QL.2 (đoạn Đoan Hùng - Hà Giang; đoạn tránh thị xã Hà Giang; đoạn Vĩnh Yên - cầu Việt Trì)	14	210	1257			
15	QL.32 (đoạn Diễn - Nhổn; đoạn Nghĩa Lộ - Vách Kim; đoạn Vách Kim - Bình Lư)	18	212	1718			
16	QL.6 (đoạn Sơn La - Tuần Giáo; đoạn tránh thành phố Sơn La; đoạn Tuần Giáo - Lai Châu)	22	291	3084			
17	QL.12B (đoạn Km30 - Km46; đoạn Km53 - Km80)	27	43	487			
18	QL.217 (đoạn Đò Lèn - Cửa khẩu Na Mèo)	29	191		1856		
19	QL.15 (đoạn Tòng Đậu - Ngọc Lặc; đoạn Tân Kỳ - Đô Lương)	30 và 36	155		1406		
20	QL.45 (đoạn Km51 - Km61; đoạn Km80 - Km111)	32	41	30	150		
21	QL.7 (đoạn Tây Đô Lương - Khe Thơi và nối từ Diễn Châu - bãi biển Diễn Thành; đoạn Km0 - Km36)	37	119	1202			
22	QL.8 (đoạn Km0 - Km37; đoạn Km37 - Km85)	39	85	3400			

STT	Tên đường	Số hiệu đường ngang	Chiều dài xây dựng (km)	Giai đoạn 2011 - 2015		Các dự án từ năm 2015 đến năm 2020 (tỷ đồng)	Kế hoạch sau năm 2020 (tỷ đồng)
				Các dự án đang triển khai (tỷ đồng)	Các dự án sẽ triển khai (tỷ đồng)		
23	QL.14E (đoạn Hà Lam - Khâm Đức)	65	78		250		
24	QL.25 (đoạn Km99 - Km113; đoạn cầu Lệ Bắc - đèo Tô Na; đoạn Km53 - Km80; đoạn Km113 - Km123)	75	61	1389			
25	QL.26 (đoạn Km2 - Km10; đoạn thị trấn Eakhốp - Faka)	78	15		434		
26	QL.28 (đoạn tránh ngập thủy điện Đồng Nai 3 và 4 - địa phận tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng)	80	44	898			
27	Tuyến N1 (đoạn Đức Huệ - Châu Đốc; đoạn Tịnh Biên - Châu Đốc; đoạn Bình Hiệp - Mỏ Vẹt)	89	184	3022			
28	QL.30 (đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự)	94	38	2481			
29	QL.80 (Mỹ Thuận - Vàm Cống)	96 và 101	50	189			
30	QL.91 (đoạn Cần Thơ - Cái Sắn)	97	50		2500		
31	QL.63 (đoạn qua tỉnh Cà Mau; đoạn qua tỉnh Kiên Giang)	102	116	34		1000	
32	QL.61 (đoạn Cái Tư - Gò Quao)	104	15		471		
III. Đường tỉnh							
33	ĐT.210	1	56			1006	
34	ĐT.204	2	52				992
35	ĐT.209	4	58				1172

STT	Tên đường	Số hiệu đường ngang	Chiều dài xây dựng (km)	Giai đoạn 2011 - 2015		Các dự án từ năm 2015 đến năm 2020 (tỷ đồng)	Kế hoạch sau năm 2020 (tỷ đồng)
				Các dự án đang triển khai (tỷ đồng)	Các dự án sẽ triển khai (tỷ đồng)		
36	ĐT.256	8	54				1024
37	ĐT.254	10	64			1196	
38	ĐT.264	11	39				534
39	ĐT.185 + ĐT.188	13	101				2022
40	ĐT.312	16	15		207		
41	ĐT.316	19	13			171	
42	ĐT.429 (ĐT.73 cũ)	23	29			375	
43	ĐT.76	24	8				377
44	12B - ATK	25	47			553	
45	ĐT.443	26	46				339
46	Bỉm Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng	28	49		492		
47	Đông Hồi - Hoàng Mai - Thái Hòa	34	60		1102		
48	ĐT.6	40	10				128
49	ĐT.17	41	38		940		
50	ĐT.2	43	18		235		
51	ĐT.3	44	7				61
52	ĐT.11	45	27				266
53	ĐT.3B (ĐT.570)	46	7			176	
54	ĐT.4B (ĐT.569B)	47	5	55			

STT	Tên đường	Số hiệu đường ngang	Chiều dài xây dựng (km)	Giai đoạn 2011 - 2015		Các dự án từ năm 2015 đến năm 2020 (tỷ đồng)	Kế hoạch sau năm 2020 (tỷ đồng)
				Các dự án đang triển khai (tỷ đồng)	Các dự án sẽ triển khai (tỷ đồng)		
55	ĐT.10	48	36				426
56	ĐT.16 (ĐT.565)	49	39			597	
57	ĐT.13 (ĐT.7 cũ)	50	70			1082	
58	ĐT.75	51	12		112		
59	Ái Tử - Nhánh Đông đường Hồ Chí Minh	53	14				406
60	Mỹ Thủy - Nhánh Đông đường Hồ Chí Minh	54	12				414
61	Đường La Hay - A Đeng	55	12				187
62	ĐT.71 cũ	56	51				1721
63	Bình Lợi - Tứ Hạ	57	24				567
64	ĐT.15	59	22			596	
65	ĐT.74	60	53			1888	
66	ĐT.604	62	66		1588		
67	ĐT.608 + ĐT.609	63	45		967		
68	Tuyến Chu Lai - Trà My - Phước Thành - Khâm Đức	66	155				912
69	ĐT.672 + ĐT.616 + ĐT.622	68	214	2247			
70	ĐT.623	69	170			3971	
71	ĐT.675 + ĐT.674	70	58				1089
72	ĐT.670	72	46			799	
73	ĐT.664	73	58				1173

STT	Tên đường	Số hiệu đường ngang	Chiều dài xây dựng (km)	Giai đoạn 2011 - 2015		Các dự án từ năm 2015 đến năm 2020 (tỷ đồng)	Kế hoạch sau năm 2020 (tỷ đồng)
				Các dự án đang triển khai (tỷ đồng)	Các dự án sẽ triển khai (tỷ đồng)		
74	ĐT.668 + ĐT.687	76	45			846	
75	ĐT.683 + ĐT.694 Buôn Hồ đi Ea Kar	77	36				521
76	ĐT.684 Ea Tlưng đi A Yang	79	64				1399
77	ĐT.681 (ĐT.686)	81	36			632	
78	ĐT.710 + ĐT.713 + ĐT.721	82	140		580	3527	
79	ĐT.749 + ĐT.748	83	74				1655
80	ĐT.741 + ĐT.747	84	130	1365			
81	ĐT.744	86	20			470	
82	ĐT.824	90	42	609			
83	ĐT.829 + ĐT.868	92	26			412	
84	ĐT.863 + ĐT.845	93	49				1455
85	ĐT.848 + ĐT.942 + ĐT.954	95	116			2594	
86	ĐT.943 + Kênh E núi Sập đi cửa khẩu Tịnh Biên	99	76			1900	
87	Long Thạnh - Gồng Giềng - Cần Thơ	103	52				1780
88	ĐT.978	105	52				1588
89	ĐT.980	106	69			1731	
90	ĐT.981	107	26				511
91	Cái Đôi Vàm - Đầm Dơi	108	49				1581